

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2017/HC-PT

Ngày: 07/11/ 2017

*Vụ “Khiếu kiện quyết định hành chính về
quản lý đất đai”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sáng

Các thẩm phán:

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Bà Trần Thị Huyền Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yển - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 77/2016/TLPT-HC ngày 29 tháng 6 năm 2016 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”, do Bản án hành chính sơ thẩm: 384/2016/HC-ST ngày 25 tháng 4 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 320/2017/QĐ-HC ngày 07 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Tuyết M, sinh năm 1947; có mặt.

Địa chỉ: 7/4, đường số 442, ấp BC, xã PHĐ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M: Ông Phạm Ngọc Băng - thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Địa chỉ: 86 LTT, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người bị kiện: Bà Lê Thị Diễm Th –
Phó trưởng phòng pháp chế Sở Tài nguyên – Môi trường; có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị G, sinh năm 1934; vắng mặt.

Địa chỉ: ấp BC, xã PHĐ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có
ông Nguyễn Văn Hùng - Đại diện theo ủy quyền.

2. Bà Trần Thị Th (đã chết);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Th:

- Ông Lê Văn R, sinh năm 1956; vắng mặt.

Địa chỉ: số 7/3, đường số 442, ấp BC, xã PHĐ, huyện H, Thành phố Hồ Chí
Minh.

- Bà Lê Thị X, sinh năm 1959; vắng mặt.

Địa chỉ: 376, tỉnh lộ T, ấp BC, xã PHĐ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị D, sinh năm 1963; vắng mặt.

Địa chỉ: số 153/7, đường VVĐ, ấp VT, xã PT, huyện H, Thành phố Hồ Chí
Minh.

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1963;

Địa chỉ: số 490/7 tỉnh lộ 15, ấp BĐ, xã NĐ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh;
vắng mặt. Có ông Nguyễn Thanh H - Đại diện theo ủy quyền; có mặt.

3. Ông Trần Văn N, sinh năm 1965; vắng mặt.

Địa chỉ: 244, đường NTL, phường T, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Lê Văn S, sinh năm 1954; có mặt.

Địa chỉ: số 490/9, tỉnh lộ 15, phường T, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông S: Luật sư Bùi Trường Ch – Đoàn
Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2012, các bản tự khai, biên bản đối thoại cũng như lời khai tại phiên tòa, người khởi kiện là bà Lê Tuyết M trình bày như sau:

Nguồn gốc đất, do ông Lê Văn Nh đứng bộ: diện tích 19.000 m² đất, tọa lạc tại ấp BD, xã NĐ, huyện H (trích sao địa bộ số 112/TS-TTĐK ngày 17/01/2008 của Trung tâm Thông tin tài nguyên- môi trường và đăng ký nhà đất); bà Nguyễn Thị Ng đứng bộ diện tích 12.960 m² đất, tọa lạc ấp BD, xã NĐ, huyện H. Tổng cộng là 31.960 m² đất, phần đất này trong thời kỳ chiến tranh, không có người cư ngụ.

Sau ngày 30/4/1975, phần đất diện tích 31.960 m² đã phân chia cho 06 người con và 01 cháu trong gia đình với tổng diện tích là 21.500 m² đất. Còn lại là 10.460 m² đất này thì là gia tộc trích ra mỗi người 200 m² cho cháu Lê Văn S tổng cộng là 1.400 m² đất tọa lạc tại ấp BD, xã NĐ, huyện H. Như vậy, phần diện tích 10.460 m² sau khi chia cho cháu Lê Văn S thì còn lại 9.060 m². Trong đó 9.060 m² đã bị bà Nguyễn Thị R chiếm dụng và đã tự ý sang nhượng quyền sử dụng đất diện tích 3.038 m² đất cho bà Lê Thị M. Sau khi bà R sang nhượng cho bà Lê Thị M và ông Phùng Văn T thì diện tích còn lại là 6.060 m² đất, hiện ông Lê Văn S đang chiếm giữ, sử dụng.

Yêu cầu Tòa án hủy QĐ số 45524/QĐ-UBND ngày 19/11/2009 của Chủ tịch UBND huyện H và QĐ số 2869/QĐ-UBND ngày 5/7/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh. Công nhận phần diện tích 8.698,6 m² thuộc thửa 1⁻¹, 17⁻¹, 49 tờ bản đồ số 04, theo bản đồ hiện trạng vị trí số 648/HĐ ĐT/CC/2008 ngày 21/4/2008 của Công ty TNHH đo đạc san lấp mặt bằng Đất Thép chia thành 05 phần bằng nhau cho Lê Tuyết M, Lê Thị G, Trần Thị Th, Trần Văn N và Nguyễn Thị G sử dụng.

Người bị kiện trình bày:

Phần đất có diện tích 8.698,6 m² thuộc thửa 1⁻¹, 17⁻¹, 49 tờ bản đồ số 4, xã NĐ theo bản đồ hiện trạng vị trí số 648/HĐ ĐT/CC/2008 ngày 21/4/2008 của công ty TNHH đo đạc san lấp mặt bằng Đất Thép. Năm 1985, qua phân chia đất của thân tộc và được các cô cho, ông S sử dụng phần đất nói trên và trực canh, cất nhà ở ổn định từ đó cho đến nay. Trong quá trình sử dụng, gia đình ông Lê Văn S có đăng ký, sử dụng đất theo Chỉ thị 299/TTg.

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 5 Luật đất đai thì UBND huyện H công nhận hiện trạng, cho ông S tiếp tục quản lý sử dụng phần đất 8.698.6 m² là đúng quy định.

Việc bà Lê Tuyết M tranh chấp đòi lại phần đất có diện tích khoảng 6.000 m² thuộc 8.698,6 m² với lý do là đất gia tộc đã chia cho là không có cơ sở để xem xét. Nội dung QĐ số 2869/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Chủ tịch UBND thành phố về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất bà Lê Tuyết M và ông Lê Văn S là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Tuyết M.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là chủ tịch UBND huyện H trình bày: đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công nhận QĐ số 45524/QĐ-UBND ngày 19/11/2009 của Chủ tịch UBND huyện H và QĐ số 2869/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Lê Thị G có đơn xin rút đơn khởi kiện ngày 03/5/2014.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị Th: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị G trình bày: đồng ý với ý kiến của bà Lê Tuyết M và bổ sung như sau: ông Lê Văn S không khai phá, sử dụng phần diện tích tranh chấp vì lúc đó đất này đang bị bà Nguyễn Thị R chiếm, chứng minh bằng việc ngày 26/02/2001, ông Lê Văn S khởi kiện đòi bà R trả lại phần đất, đơn ngày 25/9/2001, ông S có đơn khiếu nại tranh chấp đất này với bà R. Ông Trần Văn N, đề nghị giải quyết theo pháp luật.

- Ông Lê Văn S trình bày: nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà cố của ông là ông Lê Văn Nh và bà Nguyễn Thị Ng đứng bộ. Ông Nh và bà Ng chết để lại đất cho hai người con là ông Lê Văn Trà và bà Lê Thị Chè sử dụng. trong chiến tranh chống Mỹ, đất này trở thành vùng trắng thuộc vùng căn cứ cách mạng. Đến năm 1976, các cô của ông S là bà Lê Thị Tái, Lê Thị giống, Lê Thị G, và Lê Thị Xong bảo bà Phạm Thị Chưa (mẹ ông S) về cất nhà ở để quản lý và đăng ký quyền sử dụng đất. Năm 1985, bà Chưa đã nhượng lại đất cho tộc họ để phân chia nhau sản xuất, mỗi người một phần ổn định.

Ông S đồng ý với QĐ 45524/QĐ-UBND ngày 19/11/2009 của Chủ tịch UBND huyện H và QĐ số 2869/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị bác đơn khởi kiện của bà Lê Tuyết M.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 284/2016/HC-ST ngày 25/4/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 30, khoản 2 Điều 104, điểm a khoản 2 Điều 163; Điều 176 Luật tổ tụng Hành chính.

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Điều 136 Luật Đất đai.

Áp dụng Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định thi hành về Luật Đất đai.

Xử: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Tuyết M về việc hủy QĐ số 45524/QĐ-UBND ngày 19/11/2009 của Chủ tịch UBND huyện H và QĐ số 2869/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh còn quyết định đình đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Lê Thị G, bà Trần Thị Th yêu cầu hủy QĐ số 45524/QĐ-UBND ngày 19/11/2009 của Chủ tịch UBND huyện H; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/5/2016, người khởi kiện bà Lê Tuyết M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Bà Lê Tuyết M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo đơn, đề nghị hủy các quyết định hành chính QĐ số 45524/QĐ-UBND ngày 19/11/2009 của Chủ tịch UBND huyện H và QĐ số 2869/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh; bà Nguyễn Thị G (có người đại diện theo ủy quyền) giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy các quyết định hành chính trên.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Xét thấy về nguồn gốc đất là của ông bà để lại, sau năm 1975 bà Chưa quản lý sử dụng, năm 1981 – 1982 đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg và Chỉ thị 01/CT-UB, được xây nhà tình nghĩa trên đất và cất lại nhà này, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, do đó đề nghị, y án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, người bảo vệ quyền lợi của các đương sự; ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trường hợp khiếu nại của bà Lê Thị G không rút đơn khởi kiện (ông Nguyễn Thanh H đại diện theo ủy quyền) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà G, bà G kháng cáo. Xét, tại đơn kháng cáo ghi ngày 05/5/2016, nội dung đơn, ông Nguyễn Thanh H, đại diện cho bà Nguyễn Thị G kháng cáo, phiếu nộp tiền tạm ứng án phí chỉ ghi tên bà Nguyễn Thị G (do ông H nộp), không có tài liệu nào thể hiện bà Lê Thị G kháng cáo bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Lê Thị G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng với người khởi kiện, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ xem xét quyền lợi của bà G cùng về phía người khởi kiện.

[2] Về nội dung: Phần đất có diện tích 8.698,6m² thuộc thửa 1⁻¹, 17⁻¹, 49 tờ bản đồ số 4 (tài liệu Kỹ thuật số), bộ địa chính xã NĐ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Lê Văn S trực canh, quản lý, sử dụng có nguồn gốc của ông Lê Văn Nh bà Nguyễn Thị Ng (chết thời kỳ Pháp thuộc) để lại cho ông Lê Văn Tr (chết trước năm 1975 – con ông Nh bà Ng) quản lý, sử dụng. Trước năm 1975, phần đất này bỏ hoang. Sau năm 1975, theo Tài liệu 299/TTg, bộ địa chính xã NĐ, phần đất tranh chấp thuộc thửa 349, tờ bản đồ số 1 do bà Phạm Thị Ch (mẹ của Lê Văn S) kê khai đăng ký; tương ứng thuộc thửa 119, tờ bản đồ số 21, Tài liệu 02/CT-UB, thuộc đất thổ tập trung, không ai đăng ký.

[3] Năm 1985, có việc phân chia đất trong thân tộc (không có giấy tờ, biên bản phân chia cụ thể) đối với tổng diện tích đất khoảng 31.960m², mỗi chi trong thân tộc đã được chia và sử dụng ổn định từ năm 1985, trong đó có chi của ông Lê Văn Thu (chết) có con là Lê Văn S sử dụng diện tích trên 8.000m² (đo đạc thực tế là 8.698,6m²) có cắm các cột mốc ranh, trụ xi măng cụ thể vẫn còn nguyên hiện trạng sử dụng cho đến nay. Năm 1989, ông Lê Văn S được xây tặng nhà tình nghĩa trên phần đất này, năm 2008, ông S xây dựng lại nhà mới cấp 4.

[4] Với những tài liệu về quyền sử dụng đất nêu trên, quá trình tranh chấp, người khởi kiện không tranh chấp các tài sản gắn liền với đất nên Chủ tịch UBND huyện H giải quyết tranh chấp đất đai theo Luật Đất đai năm 2003 và Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết khiếu nại là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 160 Nghị định 181/2001/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Tuyết M hủy các Quyết định số 45524/QĐ-UBND ngày 19/11/2009 của Chủ tịch UBND huyện H và Quyết định số 2869/QĐ-UBND ngày

05/7/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm xét, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lê Tuyết M và bà Nguyễn Thị G; y án sơ thẩm. Người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Tuyết M và bà Nguyễn Thị G;

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 384/2016/HC-ST ngày 25/4/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai giữa Người khởi kiện bà Lê Tuyết M và Người bị kiện Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch UBND huyện H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bà Lê Tuyết M và Nguyễn Thị G phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ 200.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu 03758 ngày 10/5/2016 và biên lai thu số 03759 ngày 10/5/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (do ông Phan Ngọc B nộp). Bà M và bà G nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1)
- Cục THA dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (1)
- NKK (1)
- NBK(6)
- Lưu (3) 17b (Án 07)

(Đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Sáng

